

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P1 GD: D101

Ca 1: 7:30-11:00

Ngày thi: 21/4/2019

Phân thi:

☐

Viết

☐

Nghe-Đọc

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Chữ ký	Sửa chữa sai sót
1	SDH.001	Đỗ Đình Bắc	Nam	1	12	1985	Thanh Hóa			
2	SDH.002	Vũ Đức Công	Nam	4	1	1972	Thái Nguyên			
3	SDH.003	Xa Quốc Cường	Nam	7	2	1982	TP Hồ Chí Minh			
4	SDH.004	Trần Trọng Đạt	Nam	5	9	1979	Thái Nguyên			
5	SDH.005	Trịnh Nguyên Đức	Nam	4	3	1979	Bình Dương			
6	SDH.006	Võ Đình Dũng	Nam	1	1	1978	Quảng Nam			
7	SDH.007	Nguyễn Quý Giang	Nam	18	8	1981	Thái Nguyên			
8	SDH.008	Lê Minh Hải	Nam	17	2	1983	TP Hồ Chí Minh			
9	SDH.009	Nguyễn Hứa Hoàng Hải	Nam	17	6	1984	TP Hồ Chí Minh			
10	SDH.010	Hà Quang Huân	Nam	20	2	1987	Thái Nguyên			
11	SDH.011	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	30	7	1994	Thái Bình			
12	SDH.012	Lê Đăng Hưng	Nam	18	8	1977	Thái Nguyên			
13	SDH.013	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	30	8	1982	TP Hồ Chí Minh			
14	SDH.014	Lê Đức Liêm	Nam	4	3	1982	Thái Nguyên			
15	SDH.015	Phan Thành Luận	Nam	7	4	1982	TP Hồ Chí Minh			
16	SDH.016	Đồng Huy Ngọc	Nam	25	7	1981	Thái Nguyên			
17	SDH.017	Mai Ngọc Nhân	Nam	11	7	1983	TP Hồ Chí Minh			
18	SDH.018	Nguyễn Danh Nhân	Nam	18	12	1986	Long An			
19	SDH.019	Đặng Lê Ninh	Nam	4	8	1978	Thái Nguyên			
20	SDH.020	Nguyễn Xuân Non	Nam	20	10	1977	Thái Bình			
21	SDH.021	Hoàng Văn Phong	Nam	23	9	1986	Bắc Kạn			
22	SDH.022	Trần Vũ Phúc	Nam	6	8	1979	TP Hồ Chí Minh			
23	SDH.023	Hoàng Đình Sỹ	Nam	28	12	1989	Thanh Hóa			
24	SDH.024	Nguyễn Đình Thắng	Nam	5	8	1993	Thái Nguyên			

Ghi chú: Danh sách có: 24 thí sinh.

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt.....Tổng số bài thi.....Tổng số tờ giấy thi:...

Số thí sinh vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P2 GD: D102

Ca 1: 7:30-11:00

Ngày thi: 21/4/2019

Phần thi: ☐ **Viết** ☐ **Nghe-Đọc**

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Chữ ký	Sửa chữa sai sót
1	SDH.025	Hoàng Văn	Thuận	Nam	31	12	1977	Thái Nguyên			
2	SDH.026	Cà Văn	Thường	Nam	1	5	1979	Bắc Kạn			
3	SDH.027	Hứa Văn	Tiến	Nam	21	5	1982	Thái Nguyên			
4	SDH.028	Nguyễn Trung	Tiến	Nam	13	9	1979	Bình Dương			
5	SDH.029	Nguyễn Duy	Toán	Nam	29	10	1982	Thái Bình			
6	SDH.030	Trần Anh Công	Trung	Nam	29	10	1983	Tây Ninh			
7	SDH.031	Đình Công	Tú	Nam	25	6	1979	Phú Thọ			
8	SDH.032	Đào Anh	Tuấn	Nam	2	6	1991	Thái Bình			
9	SDH.033	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	22	3	1979	TP Hồ Chí Minh			
10	SDH.034	Lý Thị	Chuyên	Nữ	3	5	1989	Bắc Kạn			
11	SDH.035	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15	6	1982	Thanh Hóa			
12	SDH.036	Ma Thúy	Hiền	Nữ	1	12	1992	Bắc Kạn			
13	SDH.037	Phạm Thị Kim	Lắm	Nữ	10	12	1986	Hậu Giang			
14	SDH.038	Phan Thị Ngọc	Lan	Nữ	1	11	1988	Bến Tre			
15	SDH.039	Hồ Thị Hoàng	Mai	Nữ	14	3	1981	TP Hồ Chí Minh			
16	SDH.040	Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	1	12	1978	Cao Bằng			
17	SDH.041	Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	29	12	1978	Bắc Kạn			
18	SDH.042	Trần Ninh	Thành	Nữ	28	12	1979	Nam Định			
19	SDH.043	Nguyễn Thị Phương	Thủy	Nữ	12	8	1986	Nghệ An			
20	SDH.044	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	6	11	1986	Bắc Ninh			
21	SDH.045	Đặng Ngọc	Tiến	Nữ	29	6	1987	TP Hồ Chí Minh			
22	SDH.046	Nông Thị Thu	Trang	Nữ	16	4	1984	Thái Nguyên			
23	SDH.047	Trương Hồng	Vân	Nữ	19	10	1985	TP Hồ Chí Minh			

Ghi chú: Danh sách có: 23 thí sinh.

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt.....Tổng số bài thi.....Tổng số tờ giấy thi:...

Số thí sinh vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2